**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**QUẬN ĐỐNG ĐA**
**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **39**/2023/KDTM-ST
Ngày 30-5-2023
*V/v tranh chấp*
*Hợp đồng vay tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Thúy;

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Minh Phương;

Bà Nguyễn Thị Cờ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Phương Ly- Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, TP Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Hà Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh dO thương mại thụ lý số 92/2022/TLST-KDTM ngày 05/12/2022 về *Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2023/QĐXX-ST ngày 28/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2023/QĐST-KDTM ngày 17/5/2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty TNHH G; Địa chỉ trụ sở: Số 65, TT, phường H, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Phương Duy - Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Thư, bà Phạm Thị Huyền (theo Giấy ủy quyền số 039/UQ-G ngày 04/7/2022).

*Bị đơn:* Công ty cổ phần I; Địa chỉ trụ sở: Số 17, ngõ 14/31, phố P, phường L, quận Đống Đa, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị Ngọc O - Tổng giám đốc.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Vũ Thị Ngọc O, sinh năm 1971; ĐKHKTT: Số 17, ngõ 14/31 phố P, phường L, quận Đống Đa, Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Công ty TNHH G trình bày:***

Ngày 16/12/2021, Công ty TNHH G (sau đây gọi tắt là Công ty G) ký với Công ty cổ phần I (sau đây gọi tắt là Công ty I) hợp đồng vay có đảm bảo số L-FIX-127. Theo đó Công ty G đồng ý cho Công ty I vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 06 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn cho hoạt động phát

triển và chi phí tiếp thị của Công ty. Lãi suất 0,0%/tháng. Phí dịch vụ cố định là 16% của khoản vay. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Thực hiện Hợp đồng vay Công ty G đã giải ngân cho Công ty I số tiền vay 1.000.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của Công ty I và phù hợp với hợp đồng vay. Quá trình thực hiện hợp đồng vay Công ty I đã luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Công ty G đã nhiều lần gọi điện đôn đốc, trực tiếp xuống làm việc, gửi văn bản yêu cầu trả nợ tới Công ty I, bà Vũ Thị Ngọc O, bà Đỗ Thị Liêm, ông Nguyễn Trung Nguyên (các thành viên Hội đồng Quản trị) để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã cam kết nhưng Công ty I vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các văn bản thỏa thuận, hợp đồng đã ký với Công ty G.

Tạm tính đến ngày 15/3/2023, Công ty I còn nợ Công ty G tổng số tiền là 1.160.000.000 đồng, trong đó nợ gốc: 1.000.000.000 đồng, phí dịch vụ: 160.000.000 đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích của Công ty G, đề nghị Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

Buộc Công ty I phải thanh toán cho Công ty G tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/3/2022 là: 1.160.000.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ phí dịch vụ là 160.000.000 đồng.

Đề nghị tiếp tục tính tiền lãi chậm trả theo Hợp đồng tính từ ngày 01/6/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Buộc bà Vũ Thị Ngọc O, bà Đỗ Thị Liêm, ông Nguyễn Trung Nguyên có trách nhiệm trả nợ thay trong trường hợp Công ty I không thực hiện thanh toán nợ cho Công ty G theo các hợp đồng đã ký.

Trường hợp Công ty I, bà Vũ Thị Ngọc O, bà Đỗ Thị Liêm, ông Nguyễn Trung Nguyên không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty G có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, phát mãi tài sản thuộc sở hữu của Công ty I, bà Vũ Thị Ngọc O, bà Đỗ Thị Liêm, ông Nguyễn Trung Nguyên để thu hồi nợ cho Công ty G.

***Tại bản tự khai ngày 01/3/2023 và biên bản hòa giải, đại diện bị đơn trình bày:***

Năm 2021, Công ty I có ký Hợp đồng vay tài sản với Công ty G qua hình thức ký online để vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, phí dịch vụ cố định 16% của khoản vay. Tại bản tự khai gửi Tòa án, Công ty I có trình bày đã trả cho Công ty G một số tiền nhưng sau khi kiểm tra kế toán, Công ty I xác nhận chưa trả tiền cho Công ty G. Công ty I đề nghị hòa giải với Công ty G theo đó Công ty I sẽ trả toàn bộ số nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và số tiền phí dịch vụ là 100.000.000 đồng, còn số tiền phí dịch vụ còn lại và lãi chậm trả đề nghị nguyên đơn không tính nữa. Số tiền 1.100.000.000 đồng Công ty I sẽ thanh toán theo lộ trình như sau:

- Trong năm 2023 bắt đầu từ tháng 4/2023 mỗi tháng trả 30.000.000 đồng chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng.

- Trong năm 2024, tháng 1 và tháng 2 trả 50.000.000 đồng/tháng, từ tháng 3/2024 trở đi mỗi tháng trả 100.000.000 đồng, chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng, cho đến khi hết số nợ.

**Tại phiên tòa:**

* Đại diện nguyên đơn trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty I phải thanh toán cho Công ty G số tiền như sau:

- Nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ phí dịch vụ là 160.000.000 đồng, tổng cộng 1.160.000.000 đồng.

- Lãi chậm trả theo Hợp đồng đã ký kết trên số tiền chậm thanh toán, tính từ ngày 22/6/2022 đến ngày 22/5/2023 (tính tròn là 11 tháng), không yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày 23/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất chậm trả là 10%/năm, số tiền lãi chậm trả nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 106.465.753 đồng. Số tiền lãi chậm trả từ sau ngày xét xử sơ thẩm tính theo quy định của pháp luật.

- Buộc bà Vũ Thị Ngọc O có trách nhiệm trả nợ thay trong trường hợp Công ty I không thực hiện thanh toán nợ cho Công ty G theo các Hợp đồng đã ký.

- Trường hợp Công ty I và bà Vũ Thị Ngọc O không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty G có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, phát mãi tài sản thuộc sở hữu của Công ty I và bà Vũ Thị Ngọc O để thu hồi nợ cho Công ty G.

* Đại diện bị đơn đã được triệu tập hợp lệ phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo quy định của Bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được HĐXX thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,71,234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty I phải thanh toán cho Công ty G số tiền nợ gốc và phí dịch vụ là 1.160.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả tính trên số tiền nợ gốc (1.000.000.000 đồng), không chấp nhận phần lãi chậm trả nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán đối với số tiền phí dịch vụ (160.000.000 đồng).

*Về án phí:* Công ty cổ phần I phải chịu án phí kinh dO thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Công ty TNHH G phải chịu án phí kinh dO thương mại đối với yêu cầu không được chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp cùng các tài liệu Tòa án thu thập được xác định đây là vụ án kinh dO thương mại tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản. Công ty cổ phần I có đăng ký kinh dO tại địa chỉ số 17, ngõ 14/31 Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện bị đơn, người liên quan bà Vũ Thị Ngọc O đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đại diện bị đơn, người liên quan.

*[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

*- Về yêu cầu thanh toán số tiền nợ theo Hợp đồng vay số L-FIX-127 ngày 16/12/2021:*

Xét Hợp đồng vay số L-FIX-127 ngày 16/12/2021 được ký online có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng vay có ghi Hợp đồng vay có bảo đảm, kèm theo Hợp đồng vay là Hợp đồng cầm cố 03 hóa đơn GTGT của Công ty cổ phần thương mại Danny, nhưng tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày khoản vay của Công ty I là khoản vay không có tài sản đảm bảo, do Hợp đồng được ký online nên Hợp đồng được soạn theo mẫu và các tài liệu Công ty I cung cấp cho Công ty G là bản chụp. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn thừa nhận có việc ký kết Hợp đồng vay tiền. Hai Công ty có đăng ký kinh dO hợp pháp, Công ty G có đăng ký hoạt động kinh dO cấp tín dụng. Do đó, có đủ căn cứ khẳng định Hợp đồng trên là hợp pháp và có giá trị thực hiện đối với Công ty G và Công ty I. Theo Hợp đồng, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, phí dịch vụ cố định là 160.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, ngày hoàn trả dự kiến là ngày 21/6/2022, mục đích vay để bổ sung vốn cho hoạt động phát triển và chi phí tiếp thị của Công ty I. Đến thời điểm này Công ty I vẫn chưa thanh toán cho Công ty G. Vì vậy Công ty G làm đơn khởi kiện yêu cầu Công ty I thanh toán số tiền còn nợ 1.000.000.000 đồng và phí dịch vụ cố định 160.000.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận. Do vậy, buộc Công ty I phải thanh toán cho Công ty G số tiền còn nợ là 1.160.000.000 đồng.

- *Về yêu cầu thanh toán số tiền lãi chậm trả:*

*Về lãi suất chậm trả:* Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất chậm trả là 10%/năm nhưng không xuất trình tài liệu chứng cứ để xác định lãi suất nên Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 01/2019/HĐTP-NQ ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 306 Luật Thương mại để tính lãi trên cơ sở thu thập lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng thương mại tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm, cụ thể:

- Theo Văn bản số 130/NHNoĐĐ-HSX ngày 03/4/2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Đống Đa quy định lãi suất cho vay ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh dO thông thường là 8,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn là 12,75%/năm.

- Theo Công văn số 861/CNĐĐ-PTH ngày 20/4/2023 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Đống Đa thì lãi suất cho vay ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh dO thông thường là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn là 15%/năm.

- Theo Công văn số 269/HAN-TH ngày 13/4/2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội, Vietcombank áp dụng lãi suất cho vay đối với khách hàng căn cứ trên các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bao gồm Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (thay thế Quyết định 1627): "Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn".

Do đó mức lãi suất quá hạn trung bình một năm là (8,5%+10%+10%) : 3 x 150% = 14,25%.

Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất chậm trả là 10%/năm (0,833%/tháng) là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

*Về số ngày chậm trả:* Theo Hợp đồng vay, ngày hoàn trả dự kiến là ngày 21/6/2022, vì vậy nguyên đơn yêu cầu ngày tính lãi chậm trả bắt đầu từ ngày 22/6/2022 là phù hợp quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 22/6/2022 đến ngày 22/5/2023 (tính tròn 11 tháng), không yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày 23/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp pháp luật và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

*Về số tiền tính lãi chậm trả:* Số tiền nợ gốc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán là 1.000.000.000 đồng, theo Hợp đồng khoản vay không có lãi suất,

phí dịch vụ 160.000.000 đồng là khoản cố định trong suốt thời gian vay, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả cả khoản phí dịch vụ cố định.

Số tiền lãi chậm trả là: 1.000.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 11 tháng = 91.630.000 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty G, buộc Công ty I phải thanh toán số tiền còn nợ là 1.160.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả là 91.630.000 đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 1.251.630.000 đồng.

- *Về trách nhiệm bảo lãnh:* Bà Vũ Thị Ngọc O là người đại diện theo pháp luật của Công ty I và đứng tên bảo lãnh cho khoản vay theo Hợp đồng vay và Phụ lục Hợp đồng đã ký, vì vậy việc nguyên đơn yêu cầu bà O có trách nhiệm trả nợ thay trong trường hợp Công ty I không thanh toán nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 335, Điều 339, Điều 342 Bộ luật Dân sự.

*Về án phí:* Công ty I phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Công ty G là 49.548.900 đồng. Công ty G phải chịu án phí là 3.000.000 đồng đối với yêu cầu không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 335, Điều 339, Điều 342 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị định số 39 ngày 07/5/2014 về hoạt động của Công ty tài chính;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 4 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Xử:*** **1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G đối với Công ty cổ phần I.

**2.** Buộc Công ty cổ phần I có nghĩa vụ thanh toán trả Công ty TNHH G các khoản tiền sau:

- Tiền nợ gốc: 1.000.000.000 đồng.
- Tiền phí dịch vụ: 160.000.000 đồng.
- Tiền lãi chậm trả: 91.630.000 đồng.

Tổng cộng 1.251.630.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Công ty cổ phần I không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên và lãi phát sinh thì bà Vũ Thị Ngọc O phải có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty cổ phần I.

**3.** Về án phí kinh dO thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần I phải nộp 49.548.900 đồng án phí kinh dO thương mại sơ thẩm.

- Công ty TNHH G phải nộp 3.000.000 đồng án phí kinh dO thương mại sơ thẩm. Công ty TNHH G đã nộp 23.400.000 đồng tạm ứng án phí theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí ngày 03/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (theo Thông báo nộp tiền số 1583 ngày 28/11/2022, mã thông báo HJ1VVCXSOV). Công ty TNHH G được hoàn lại 20.400.000 đồng án phí.

**4.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND Thành phố HN;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND Q.Đống Đa;
- Chi cục Thi hành án Đống Đa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phương Thúy**